

Bản án số: **39B/2020/HS-ST**

Ngày: 16/6/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thương Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Bá Thành

Ông Nguyễn Đình Hiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Quảng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2020/TLST- HS ngày 25 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Giàng A L**; Tên gọi khác: Dương Văn Q; Giới tính: Nam; Sh ngày 25 tháng 9 năm 1959, tại tỉnh L C; Nơi ĐKKHKT: Không; chỗ ở hiện nay: B C, xã N T, thành phố Đ b P, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Giáy; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 3/10 phổ thông; Bồ đề: Giàng A S – Đã chết; Mẹ đẻ: Vàng Thị P - Đã chết; Vợ: Hoàng Thị C - Sh năm 1960 (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con với chị C nhưng đều đã chết; Bị cáo sống như vợ chồng với chị Lò Thị X và có 01 con chung Sh năm 2011; Tiền sự: Không. Tiền án: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 26/02/2020 đến ngày 06/3/2020, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

\* Người bào chữa: Bà Lê Thị Thúy An – Trợ giúp viên thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Điện Biên (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 21 giờ ngày 26/02/2020 tại nhà Giàng A L (Dương Văn Q) thuộc B C, xã N T, thành phố Đ b P, tỉnh Đ, tổ công tác Công an xã Nà Tấu phát hiện L có biểu hiện nghi vấn hoạt động về ma túy, tổ công tác vào kiểm tra thì L khai nhận vừa sử dụng ma túy và đang cất giấu Heroin, mục đích để sử dụng. L tự nguyện ra

chuồng lợn lấy tại lỗ gạch 03 gói chất bột màu trắng được gói ngoài bằng giấy bạc màu vàng giao nộp cho Công an. Công an xã đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng. L khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là khoảng ngày 26/02/2020, L đi bộ đến khu vực bản Lọng Luống 1, xã Mường Phăng, thành phố Điện Biên Phủ mua của một người phụ nữ không quen biết 04 gói Heroin hết 200.000 đồng. L mang về nhà cất giấu trong lỗ gạch tường chuồng lợn, tối ngày 26/02/2020 L sử dụng một gói, còn 03 gói đã giao nộp cho Công an xã Nà Tấu, thành phố Điện Biên Phủ lập biên bản thu giữ.

Tại bản kết luận giám định số 217/GĐ-PC09 ngày 05/3/2020 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Mẫu vật thu giữ của Giàng A L (Dương Văn Q) gửi giám định là ma túy loại Heroin nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 9, Mục IA, Danh mục I, Nghị định 73/NĐ-CP ngày 15/5/2018. Có khối lượng M1: 0,07 gam; M2: 0,05; M3: 0,04 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 43/CT- VKSTPĐBP ngày 24/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố Bị cáo về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giữ nguyên quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy: 0,16 gam Heroin sau khi gửi đi giám định còn lại 0,063 gam Heroin, 03 mảnh giấy bạc màu vàng.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bị cáo là người cao tuổi và người dân tộc thiểu số Sh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

\* Quan điểm người bào chữa cho Bị cáo Giàng A L: Đề nghị HĐXX áp dụng Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho Bị cáo hưởng mức án thấp nhất. Điều kiện kinh tế gia đình bị cáo năm 2019 thuộc hộ nghèo, Bị cáo là người dân tộc thiểu số Sh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị HĐXX không áp dụng khoản 5 Điều 249 BLHS miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí Hình sự cho bị cáo.

\* Quan điểm của Viện kiểm sát: Về áp dụng điều luật, Viện kiểm sát đã áp dụng các điều luật mà người bào chữa đề nghị. Do vậy đại diện VKS không tranh luận gì và nhất trí với đề nghị của người bào chữa. Đề nghị HĐXX xem xét.

\* Quan điểm người bào chữa: Tôi nhất trí và không tranh luận gì thêm. Đề

ng nghị HĐXX xem xét.

Trong quá trình điều tra Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của Bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Lời nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

#### **[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:**

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Bị cáo Giàng A L (Dương Văn Q) khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại khu vực B C, xã N T, thành phố Đ b P, tỉnh Đ Bị cáo đã có hành vi cất giấu trái phép 0,16 gam Heroin, mục đích để sử dụng. Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật. Hành vi nêu trên của Bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

*“ 1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*... c) ... Heroin, ... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”.*

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố Bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

**[2] Về tính chất của vụ án:** Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi cất giấu trái phép ma túy nhằm mục đích sử dụng của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát Sh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, Bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên Bị cáo đã đi mua ma túy cất giấu để phục vụ nhu cầu bản thân sử dụng, Bị cáo đã coi thường pháp luật. Chính vì vậy, Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

#### **[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của Bị cáo:**

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo Sh ra và lớn lên tại Thôn Bản Vền, xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai được gia đình nuôi học hết lớp 3/10. Đến năm 1977 nhập ngũ tập huấn tại sân bay Tráí hút, tỉnh Yên Bái đến năm 1980 xuất ngũ; Từ năm 1982 đến năm 1987 ở tại Xã Châu Quế Hạ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Từ năm 1987 đến năm 2008 làm thợ xây ở tỉnh Sơn La và tỉnh Điện Biên; Năm 2008 chuyển về Sh sống và sống chung như vợ chồng với chị Lò Thị X tại B C, xã N T, thành phố Đ b P, tỉnh Đ.

\* Người bào chữa cho bị cáo Giàng A L đưa ra quan điểm: Đề nghị HĐXX áp dụng Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS cho Bị cáo hưởng mức án thấp nhất và điều kiện kinh tế gia đình bị cáo năm 2019 gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo của xã, Bị cáo là người dân tộc thiểu số Sh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị HĐXX không áp dụng khoản 5 Điều 249 BLHS miễn hình phạt bổ sung và miễn áp phí Hình sự cho bị cáo.

Từ những đề nghị trên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên và người bào chữa tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

Ngoài hình phạt chính Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, xét thấy Bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, không có việc làm ổn định, gia đình khó khăn nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

#### [4] Về vật chứng vụ án:

Gồm 0,16 gam Heroin gửi đi giám định, sau khi giám định còn hoàn lại 0,063 gam Heroin, 03 mảnh giấy bạc cần tịch thu để hủy theo quy định.

#### [5] Các vấn đề khác:

Bị cáo khai Bị cáo đi mua ma túy của người phụ nữ không biết tên tuổi, địa chỉ, nên không có cơ sở điều tra làm rõ. Do Bị cáo không biết tên, địa chỉ, Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng

hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

**[7] Về án phí:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bị cáo là người cao tuổi và người dân tộc thiểu số Sh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy Bị được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Áp dụng:** Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

**Tuyên bố:** Bị cáo Giàng A L (Dương Văn Q) phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Xử phạt bị cáo: **01 (Một)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (26/02/2020).

**2. Về vật chứng vụ án:** Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: Gồm 0,16 gam Heroin gửi đi giám định, sau khi giám định còn hoàn lại 0,063 gam Heroin, 03 mảnh giấy bạc màu vàng.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/5/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên).*

**3. Về án phí:** Áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bị cáo là người cao tuổi và người dân tộc thiểu số Sh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Miễn án phí hình sự cho Bị cáo.

**4. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/6/2020).

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ CATPĐBP;
- VKSND TP Điện Biên Phủ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CATPĐBP;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐB Phủ;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

**Trần Thị Thương Huyền**